

1893

1995

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

MÃ SỐ 91-78-033

-o-o-o-

() ƠN VÀ BẢO TOÀN VỐN

TRONG TỔ CHỨC

THƯƠNG NGHIỆP QUỐC DOANH

Cơ quan quản lý: BỘ THƯƠNG MẠI

Cơ quan chủ trì: Viện kinh tế-

kỹ thuật thương mại.

Chủ nhiệm: K.S. PHẠM THẾ THỌ

TRUNG TÂM THÔNG TIN TƯ LIỆU
KINH HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

KHO LƯU TRỮ 1893
CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

15/9/95

-Hà Nội, tháng 12 năm 1995-

ĐỀ TÀI KHOA HỌC KINH TẾ

(()) ỐN VÀ SỰ VẬN ĐỘNG CỦA VỐN
TRONG TỔ CHỨC
THƯƠNG NGHIỆP QUỐC DOANH

Mã số: 91 - 78 - 033.

Ngày nghiệm thu chính thức cấp Bộ:

CƠ QUAN CHỦ TRÌ

VIỆN KINH TẾ - KỸ THUẬT
THƯƠNG MẠI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

CƠ QUAN QUẢN LÝ

BỘ THƯƠNG MẠI

	Trang
Mở đầu	
PHẦN I : Vai trò vốn kinh doanh của TCTNQĐ trong kinh tế thị trường. Thực trạng vốn trong TCTNQĐ hiện nay.	4
I-Vai trò vốn kinh doanh trong nền kinh tế thị trường.	4
II-Thực trạng vốn trong DNNN nói chung và TCTNQĐ nói riêng	5
III-Nguyên nhân thực trạng sử dụng vốn ngân sách trong thời gian qua.	II
PHẦN II- Nội dung, phương pháp và biện pháp bảo toàn vốn trong TCTNQĐ	I4
I-Vốn và cơ cấu vốn kinh doanh.	I4
II-Bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh.	I8
II.1-Khái niệm chung.	I8
II.2-Tiêu thức và đơn vị làm thước đo giá trị vốn kinh doanh.	I6
II.3-Nội dung việc bảo toàn vốn trong các TCTNQĐ.	21
II.4-Phương pháp tính bảo toàn vốn	22
II.5-Phân loại doanh nghiệp và việc bảo toàn vốn	25
III-Biện pháp để bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh	28
PHẦN III-Một số kiến nghị	32
Kết luận	34
Phụ lục.	

Trong cơ chế kinh tế tập trung-quan liêu - bao cấp, các tổ chức thương nghiệp quốc doanh (TCTNQG) được cấp vốn lưu động, vốn cố định, được vay ngân hàng để thực hiện mua hàng (nhận hàng) và bán hàng (cung cấp hàng) theo chỉ tiêu định sẵn từ cơ quan Nhà nước cấp trên. Thời kỳ này, vốn chỉ là điều kiện để TCTNQG thực hiện các mệnh lệnh mua bán. Quyền sở hữu và quyền sử dụng vốn trong các TCTNQG đều thuộc cơ quan Nhà nước chủ quản. Khái niệm kinh doanh chỉ là hình thức, vì nếu có lợi nhuận hoặc thua lỗ Nhà nước cũng thu hết hoặc bù đủ. TCTNQG được áp đặt một khoản chi phí lưu thông. Tính hiệu quả kinh tế của TCTNQG là hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao cho và tiết kiệm được chi phí lưu thông theo mức đã được ấn định.

Cuối những năm 1980, nền kinh tế nước ta bộc lộ rõ là đã lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Sản xuất trong nước ngày càng giảm sút, lạm phát ngày càng trầm trọng, đời sống nhân dân - nhất là những người làm công ăn lương - ngày càng sa sút. Nhà nước buộc phải nới lỏng chế độ kế hoạch hóa tập trung, giao dần quyền tự chủ cho các xí nghiệp quốc doanh. Từ Quyết định 25-CP "ba phần kế hoạch" năm 1981; Quyết định 217-HĐBT cuối năm 1987, đến các biện pháp kiềm chế lạm phát đầu năm 1989, các đơn vị sản xuất quốc doanh đã được quyền tiêu thụ sản phẩm, chỉ tiêu giao nộp - thu mua sản phẩm không còn, thương nghiệp quốc doanh bị đặt vào tình trạng chơi vơi, tự bươn chải để tồn tại. Các TCTNQG tự tạo lấy nguồn hàng mua để mà bán. Nhà nước không kiểm soát được hiệu quả dòng vốn mà ngân sách cấp cho họ. Nhà nước hầu như im lặng trao quyền sở hữu

và quyền sử dụng vốn cho Giám đốc các TCTNQG, mặc dầu dưới danh nghĩa có sự kiểm soát của cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính quốc gia. Đó là thời kỳ nặng nề, không ít tổ chức kinh tế quốc doanh mất vốn nghiêm trọng do bị chiếm dụng, do thua lỗ, do thất thoát và tham nhũng... Trước tình trạng đó, ngày 1-9-1990 Chính phủ ra quyết định (số 316-HĐBT) tổ chức giao vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước. Việc tổ chức giao vốn tuy chưa đạt được mục tiêu như yêu cầu trong quản lý vĩ mô nền kinh tế, nhưng đã chấm dứt tình trạng tiếp tục đầu tư vốn ngân sách tràn lan theo mạng lưới tổ chức kinh tế rất manh mún và việc giảm đầu tư vốn ngân sách tràn lan đó là một trong những yếu tố giảm lạm phát cho nền kinh tế cuối năm 1992. Đồng thời, việc giao vốn là cơ hội cho các tổ chức kinh tế quốc doanh tự chứng minh được sự tồn tại của mình khi nền kinh tế chuyển dần sang cơ chế kinh tế thị trường. Tuy nhiên, nhiều tổ chức kinh tế quốc doanh đã không trụ lại được. Qua sắp xếp theo Nghị định 388-HĐBT, từ khoảng 12 000 đơn vị (trong đó TCTNQG gần 6000) trong năm 1989 thì đến tháng 6-1993 chỉ còn lại 6225 đơn vị (trong đó TCTNQG là 1745 đơn vị), kể cả những đơn vị xin đăng ký lại doanh nghiệp nhưng chưa được chấp nhận.

Tuy nhiên, khi thực hiện cơ chế kinh tế thị trường gồm nhiều thành phần tham gia, số tổ chức kinh tế quốc doanh tồn tại hơn 6000 như hiện nay vẫn là không cần thiết, cản trở việc huy động các nguồn vốn tiềm tàng trong dân chúng, kể cả người Việt ở nước ngoài, quá yếu với khả năng đầu tư vốn của ngân sách quốc gia. Chính vì vậy mà xu hướng kinh tế tất yếu là: Tổ chức kinh tế quốc doanh rất ít về số lượng, đủ mạnh về chất lượng. Như vậy, một mặt, Nhà nước sẽ tập trung vốn đầu tư cho một số doanh nghiệp Nhà nước trọng yếu, trong đó có một số TCTNQG kinh doanh một số mặt hàng thiết yếu như xăng, dầu... hoặc tài trợ cho các tổ chức làm nhiệm vụ kinh tế-xã hội như muối i-ốt... Mặt khác đa dạng hóa sở hữu dần các tổ chức kinh tế quốc doanh nhất là các TCTNQG không cần thiết

có vai trò làm công cụ trực tiếp của Chính phủ để điều tiết thị trường.

Tháng II năm 1993, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt nam (đồng chí Đỗ Mười) ~~không~~ nói tại Hội nghị trung ương lần thứ VI có đoạn: "... Khu vực DNNN đã cố gắng thích ứng với cơ chế mới, đóng góp quan trọng vào sự ổn định và phát triển kinh tế trong mấy năm qua. Song, so với công sức vốn liếng đầu tư cho khu vực này thì những đóng góp đó chưa tương xứng, hiệu quả hoạt động SX-KD còn thấp. ... Nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng đó là do tài sản của Nhà nước về thực chất vẫn trong tình trạng không có người làm chủ cụ thể, trực tiếp, có quyền hạn và trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ đầy đủ đối với việc sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các tài sản đó." ...

Chính vì những tình hình và bối cảnh đó, đề tài này nhằm mục tiêu đề xuất các giải pháp để:

- I-Bảo đảm vốn cho TCTNQD đủ mạnh để làm công cụ của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Phân định rõ chức năng vốn trong tổ chức TNQD: Vốn thực hiện chính sách xã hội và vốn kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận cho ngân sách quốc gia.
- 2-Tìm các biện pháp thích hợp để bảo toàn vốn, phát triển vốn trong sự vận động trên thị trường có cạnh tranh của các TCTNQD ~~không~~ tham gia kinh doanh với tư cách là một thành phần bình đẳng trong nền kinh tế.

PHẦN I

VAI TRÒ VỐN KINH DOANH CỦA TCTNQD TRONG NỀN

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

THỰC TRẠNG VỐN TRONG CÁC TCTNQD HIỆN NAY.

I-VAI TRÒ VỐN KINH DOANH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Kinh tế mệnh lệnh là hệ thống kinh tế được quyết định bởi Chính phủ. Còn kinh tế thị trường là "Hệ thống kinh tế với những quyết định thực hiện bởi mỗi người." (I)

Trong kinh tế thị trường, con người có thể quyết định mua và bán hàng hóa, dịch vụ theo pháp luật. Do đó, doanh nghiệp cần thực hiện mua, bán, sản xuất những thứ mà người tiêu dùng cần chứ không phải là bán cái mà mình có. Muốn chủ động trong kinh doanh yếu tố tiên quyết là VỐN, bao gồm cả vốn cố định và vốn lưu động. Cổ vốn mới có thiết bị hiện đại, năng suất cao, giá thành hạ. Cổ vốn mới tổ chức được dự trữ lưu thông, mua lúc cần mua, bán lúc có nhu cầu tiêu dùng. Tất cả hoạt động của doanh nghiệp thể hiện trong công thức:

T - H - T'

(Tiền - Hàng - Tiền nhiều hơn)

là quá trình chu chuyển và tăng trưởng vốn, đồng thời là mục tiêu của doanh nghiệp: Lợi nhuận (T').

Không có vốn, doanh nghiệp không tạo được hàng hóa hoặc là doanh nghiệp khác lấy mất nguồn lợi. Không có T thì làm sao có T'. Với loại doanh nghiệp được giao thêm nhiệm vụ chính trị-xã hội như xăng dầu, lương thực, muối ăn trộn iod, chuyên chở phân phối hàng hóa, thực hiện chính sách dân tộc với đồng bào miền núi... cần phải có chính sách vốn

(I) Theo ECONOMICS CONCEPTS AND APPLICATION của Larry D.Hodge do Steck Vaughn Company - Mỹ xuất bản năm 1992-bản tiếng Anh.

đặc biệt của Chính phủ, hoặc tài trợ, hoặc trợ giá, hoặc miễn giảm thuế... Còn lẫn lộn giữa hai yêu cầu: bảo đảm nhiệm vụ chính trị-xã hội và kinh doanh phải có lãi, dẫn đến không có hai nguồn vốn đầu tư cho kinh doanh và tài trợ cho chính sách xã hội, thì không một doanh nghiệp nào có thể làm được.

(Sẽ nói rõ ở phần sau)

II-THỰC TRẠNG VỐN TRONG DNQD NÓI CHUNG VÀ TCTNQD NÓI RIÊNG.

Thực trạng vốn trong các tổ chức TNQD mấy năm qua nổi lên những nét lộn như sau:

A-Thời kỳ từ năm 1987 (khi có Quyết định 217-HĐBT, tháng II-1987) cho đến khi thực hiện xong việc giao vốn cho các tổ chức doanh nghiệp Nhà nước (cuối năm 1991)

Đặc điểm thời kỳ này là, mặc dù từ năm 1987, khi có QĐ.217-HĐBT, cụ thể hóa Nghị quyết 306-BCT của Bộ Chính trị TW.Đảng CSVN (tháng 6-1986) về việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị kinh tế quốc doanh là nhằm tạo cho các đơn vị ấy, năng động, chủ động hơn trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, nhất là trong khâu kế hoạch hóa, hợp đồng kinh tế, vốn và tổ chức lao động. Nhưng, cho đến trước năm 1989, mọi hoạt động của các tổ chức kinh tế QD vẫn chưa thoát khỏi cơ chế kinh tế tập trung, quan liêu, qua tầng, nấc của các cấp quản lý: Tổng công ty, Sở, Bộ, Nhà nước. Kể đến năm 1989, xóa bỏ cơ chế tem phiếu trong lương thực, thực phẩm, một số mặt hàng công nghệ phẩm, giảm phần nhập khẩu vật tư theo nghị định thư. Tình trạng trên cộng với bối cảnh chung của nền kinh tế lúc đó làm cho các TCTNQD thật sự chao đảo.

1-Tốc độ lạm phát quá nhanh với tỷ lệ lớn đã làm cho đồng tiền Việt nam bị mất giá trị so với ngoại tệ mạnh dùng trong thanh toán nhập khẩu. Chỉ số trượt giá tháng 12 cùng kỳ qua các năm:

Năm 1989 so với 1988 : 134^o/o

1990 - 1989 : 167^o/o

1991 - 1990 : 167,5^o /o

(số của Ủy ban vật giá Nhà nước)

2-Hàng tồn kho ứ đọng, kém mất phẩm chất trong một số tổ chức TNQD như các mặt hàng vật tư, vải sợi... quá lớn. Riêng các tổ chức thương nghiệp vật tư, theo kiểm kê I-I-1990, trị giá hàng hóa là 3.890 tỷ đồng VN, trong đó 553,9 tỷ là hàng ứ đọng, kém mất phẩm chất. Tức là 1/7 vốn lưu động mà không lưu động được. Hàng vải sợi cho đến năm 1993 vẫn còn hơn 40 tỷ đồng hàng ứ đọng.

3-Vốn Nhà nước bị thất thoát trong khu vực kinh tế quốc doanh: Thời kỳ 1987-1990, khu vực này làm mất 85-89^o/o vốn Nhà nước cấp. Riêng năm 1990 làm mất 300 tỷ đồng do thất thoát tài sản và tham nhũng, 1000 tỷ đồng do phá sản. (Nguồn? tạp chí TTGC tháng 3-1992, trang 3). Như vậy, hầu như mất hết vốn Nhà nước do biến động tỷ giá hối đoái, tham nhũng, biến lộn và kinh doanh thua lỗ.

B-Thời kỳ hoàn thành việc giao vốn cho các TCTNQD

Thực tế, việc giao vốn cho các DNNN nói chung và TCTNQD nói riêng tới cuối năm 1991 mới hoàn thành, mặc dầu chủ trương giao vốn từ 1-9-1990 (theo Quyết định 316-HĐBT). Cùng với việc giao vốn, Bộ tài chính có 2 văn bản pháp quy:

-Thông tư 31-TC ngày 27-5-1991 quy định cách tính trượt giá bảo toàn vốn bằng tổng số vốn nhận với hệ số trượt giá.

-Trước đó, ngày 9-1-1991, Thông tư 05-TC mục 2 điểm d "quy định nguồn chi phí mua sắm tài sản như xây trụ sở, mua sắm phương tiện."

Thời kỳ này, sử dụng vốn trong các TCTNQD ~~đã~~ nổi lên một số vấn đề sau:

1-Các TCTNQD từ quận, huyện trở lên chưa được sắp xếp lại. Số lượng DNNK tối trên 12000 đơn vị, trong đó tới 6000 đơn vị làm thương nghiệp. Các tổ chức gọi là "Dịch vụ" mở ra tùy tiện (nếu không gọi là bừa bãi) để giải quyết việc làm cho lao động dôi thừa. Các quy định chi tiêu như Thông tư số 05-TC của Bộ tài chính gần như không có hiệu lực. Các Giám đốc thương nghiệp, dịch vụ quốc doanh, nhiều người mua sắm ô-tô đắt tiền, xây cất trụ sở không cần thiết. Mục đích gần trách nhiệm của người sử dụng vốn với quyền tự chủ kinh doanh của việc giao vốn đã không đạt được. Trên thực tế, giám đốc gần như trở thành chủ sở hữu vốn Nhà nước.

2-Quy định về bảo toàn vốn còn chưa hợp lý.

-Mức tỷ lệ quy định đồng loạt theo ngành, nghề kinh doanh là không sát thực tế, thiếu khách quan. Ví dụ: đáng lẽ với mức 1,7 nhưng chỉ xác định là 1,4.

-Khi giá tăng, coi như tăng vốn lưu động, nhưng nếu cần bảo đảm chỉ tiêu khối lượng mua bán lại không được Nhà nước cấp thêm vốn. Vì vậy, các TCTNQD lúc này ở vào hai tình trạng:

a-Thiếu vốn: Do giá cả tăng, không thực hiện được khối lượng mua hàng. Ví dụ, đúng lẽ phải mua 1 vạn tấn hàng nông sản, thực phẩm thì chỉ đủ vốn mua 4000 tấn. Do đó, một số mặt hàng như nông sản, muối, thực phẩm... gần như thế nói cho tư thương vì không đủ vốn và không cạnh tranh nổi với họ.